

Bản án số: 430/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11- 2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;
2. Bà Mai Thị Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh –Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc P sinh năm 1973; Thường trú: 25/49 Nguyễn Bình K, phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 42 TXS, Khu phố 4, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Phú H sinh năm 1972; Thường trú: Số 20 Lô 8, cư xá TĐ, Phường 27, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 42 TXS, Khu phố 4, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2021, tại các bản tự khai, các biên bản ghi nhận ý kiến, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải tại Tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc P trình bày:

Bà và ông H qua thời gian tìm hiểu được 07 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 115, Quyền số 01/2004 đăng ký ngày 02/8/2004 tại UBND Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi cưới được 02 tháng bà P phát hiện ông H có nhiều tật xấu mà bà không chấp nhận được. Mỗi khi ông H nhậu nhẹt về nhà khuya thường nói năng

thô lỗ, gây sự có khi còn đánh bà, xúc phạm bà trước mặt gia đình của ông, mỗi lần như vậy bà chỉ biết im lặng chịu đựng. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng bà về ở cùng với chị gái ông H tại quận Bình Thạnh, có những lần say xỉn ông H còn xúi chị gái đuổi bà ra khỏi nhà. Bà đã muốn ly hôn ngay lúc đó nhưng phát hiện mình đã mang thai con đầu lòng là bé Trần Võ Đức P, vì thương con đang còn nhỏ mà bà lại phải đi làm và cần có người phụ chăm sóc con nên bà đã cho qua. Đến năm 2007 ông H và chị gái của ông đã đuổi bà ra khỏi nhà, lúc này mẹ con bà phải khăn gói ra đi trong đêm đến ở nhà riêng của bà cho đến nay. Mặc dù đã ở cùng gia đình chị gái ông H khá lâu nhưng không biết vì lý do gì chị gái của ông H vẫn cương quyết không cho bà nhập hộ khẩu, trong khi hộ khẩu gia đình có rất nhiều người không phải họ hàng được nhập vào. Sau nhiều sự việc xảy ra, bà nhận thấy mẹ con bà không được sự bảo vệ và che chở khi ở bên ông H. Bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân với ông H như sống trong địa ngục, bà phải đi làm kiếm tiền nuôi con và xây dựng gia đình, trong khi ông H không lo lắng cho tương lai, hễ có chút tiền là ông giấu để ăn nhậu ngoài đường khi về đến nhà là gây sự, nhiều lần như vậy nhưng bà vẫn cắn răng chịu đựng cho qua.

Năm 2010 bà lỡ sinh thêm đứa con thứ hai, bà nghĩ rằng có thêm con thì ông H sẽ bớt lo hơn nhưng không ngờ chứng nào tật đó, ông H có người khác bên ngoài khi làm chung dự án với người anh rể, về nhà ông thường đánh bà trong khi bà chỉ mới sinh con thứ hai được bốn tháng tuổi, nhiều lần nhưng bà vẫn nhịn nhục cho qua vì thương con còn nhỏ, vẫn cần phải có ba. Bà cho rằng đây chính là sai lầm của bà kéo dài cho đến nay.

Đối với các chi phí chi tiêu trong gia đình: Từ lúc mới cưới, ông H thất nghiệp hai năm đầu ở nhà giữ con, 04 năm sau đó ông H đi làm mỗi tháng ông mang về 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn), từ năm thứ 05 cho đến năm thứ 12 mỗi tháng ông đưa về 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn), từ năm thứ 13 cho đến nay mỗi tháng ông H đưa về 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn). Mỗi tuần ông H đi ngủ đâu đó 1 hoặc 2 hoặc 3 đêm ở bên ngoài mà bà không hề biết, cuối tuần hai buổi chiều thứ 7 và chủ nhật ông H đưa đón bé nhỏ đi học thêm tiếng Anh, trong lúc chờ con ông H nhậu nhẹt trong hai ngày này và lúc nào cũng tắt điện thoại.

Tất cả chi phí sinh hoạt trong gia đình mỗi tháng hơn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) nhưng ông H không hề quan tâm. Bà không những không được chia sẻ về mọi mặt mà còn bị ông H nói xấu với gia đình bà là bà đi suốt ngày ngoài đường và ông H nói vì lấy bà mà ông ấy không phát triển được sự nghiệp.

Gần đây vào tháng 9 năm 2020, ông H gây sự chửi bới, nhục mạ khiến bà không thể chịu đựng được nữa nên đã thông báo với gia đình là bà muốn chính thức ly thân và sẽ ly hôn, từ đó bà và ông H ngủ hai phòng riêng, mặc dù vậy nhưng nhiều lần ông H vẫn phá cửa phòng bà để cưỡng bức bà, có những lần con bà chứng kiến thì ông H khóa trái cửa mặc cho hai con la hét bên ngoài, những lúc này ông H như một con thú, xô ngã bà xuống giường và hành xử như một người điên, khiến bà phải nhiều lần gọi công an đến giải quyết sau đó. Gần đây, ông H thường xúc phạm bà trước mặt các con với những lời lẽ thô lỗ như

“mày đi trai gái với thằng nào về đòi ly dị tao, tao bị lỗi gì... mày coi chừng tao.”

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà:

Về quan hệ hôn nhân: bà đề nghị được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung, họ tên là Trần Võ Đức P, sinh ngày 15/7/2005 và Trần Võ Phú T, sinh ngày 14/5/2010.

Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu).

Về tài sản chung: Ông bà sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà P trình bày: Bà rất cảm ơn Tòa án đã cho bà và H có thời gian hòa giải nhưng bà nghĩ ly hôn là cách tốt nhất cho ông bà và các con. Ông bà có thể làm bạn cùng nhau chăm sóc con vì có quay lại tiếp tục cuộc sống vợ chồng chắc chắn ông bà cũng sẽ không hạnh phúc. Điều quan trọng là giờ đây bà không còn tình cảm với ông H, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Tại các bản tự khai, các biên bản ghi nhận ý kiến, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải tại Tòa, bị đơn ông Trần Phú H trình bày:

Ông và bà P quen biết nhau từ khi bà P còn học lớp 9 ở Hàm Tân, Lagi Bình Thuận sau đó bà P chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh, học hết phổ thông trung học và đại học sư phạm đến năm 2004 thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới (được chị ruột là bà Trần Thị Bích H đại diện cho gia đình tổ chức cưới hỏi) và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 115, Quyền số 01/2004 đăng ký ngày 02/8/2004 tại UBND Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống đến nay đã gần 25 năm, có hai người con trai, họ tên là Trần Võ Đức P sinh ngày 15/07/2005 và Trần Võ Phú T sinh ngày 14/5/2010. Ông khẳng định, hiện tại, ông và bà P cùng các con đang sống chung trong căn nhà tại địa chỉ: số 42 đường Trần Xuân S, Quận 7, phường TTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với yêu cầu ly hôn của bà P ông không đồng ý vì việc yêu cầu ly hôn của bà P ảnh hưởng đến danh dự gia tộc họ Trần của ông, ảnh hưởng tới công việc của ông và ảnh hưởng đến chị gái ông bà Trần Thị Bích H hiện đang làm việc tại Hội đoàn xử lý di sản lịch sử tài chính triều Nguyễn Hồ Chí Minh, ngoài ra còn ảnh hưởng tới tương lai của các con của ông sau này. Ông cho rằng bà P ly hôn không có lý do chính đáng nên ông không đồng ý. Ông xác nhận là vợ chồng ông có mâu thuẫn vì ông sai trong việc ông đi nhậu nhẹt nhưng việc này không thường xuyên, ông vẫn làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, vẫn đưa đón các con, lo cơm nước cho các con. Tuy nhiên, mỗi khi ông đi

nhậu về bà P lại chửi bới, xúc phạm ông. Thời gian sống ly thân cũng có khi ông đòi hỏi chuyện quan hệ vợ chồng nhưng bà P không đồng ý thì hai vợ chồng có xô đẩy qua lại chứ ông không đánh bà P.

Ông Trần Phú H đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 xem xét, thẩm tra, nếu bà Võ Thị Ngọc P vẫn cố chấp cố tình làm ảnh hưởng xấu đến gia đình ông thì ông đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 chuyển hồ sơ vụ ly hôn của bà Võ Thị Ngọc P về Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vì khi cưới nhau vợ chồng sống tại quận Bình Thạnh và hộ khẩu của ông cũng ở Bình Thạnh.

Về con chung: Có 02 người con chung, họ tên là Trần Võ Đức P, sinh ngày 15/7/2005 và Trần Võ Phú T, sinh ngày 14/5/2010.

Trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông sẽ hỗ trợ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà tại địa chỉ số 42 Trần Xuân S, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa ông H trình bày: Ông không muốn ly hôn với bà P nhưng nếu bà P vẫn cương quyết ly hôn ông cũng sẽ đồng ý nhưng với điều kiện bà P phải công nhận tài sản chung là căn nhà số 42 Trần Xuân S, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và phải chia cho ông. Ngoài ra ông yêu cầu Tòa án phải giải quyết luôn phần nợ chung của ông và bà P tại Ngân hàng để việc này không làm ảnh hưởng đến gia đình nhà chị gái của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc P yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Trần Phú H. Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Thuận Đông Quận 7 thì “đương sự Trần Phú H, sinh năm 1972 hiện đang tạm trú tại địa chỉ số 42 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh”. Do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với ông Trần Phú H.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 115, Quyển số 01/2004 do UBND Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2004 thì có đủ cơ sở để xác định bà P và ông H là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà Võ Thị Ngọc P và ông Trần Phú H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004 sau khi sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2007 do ông H và chị gái của mình đã đuổi bà P và con ra khỏi nhà nên bà đã chuyển về nhà riêng của bà tại địa chỉ Quận 7 sinh sống. Sau đó ông H cũng chuyển về đây để sống cùng mẹ con bà. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không còn tôn trọng nhau. Từ tháng 09/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, cho đến khi bà P làm đơn đề nghị ly hôn tại Tòa thì ông H mới có những động thái để níu kéo cuộc hôn nhân của ông bà.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bà P xác định là do ông H nhậu nhẹt, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Ông H sống với bà và các con như có danh là chồng, là cha, ông đi đâu làm gì bà không hề hay biết, mọi việc của gia đình đều do mình bà đảm nhận, ông cũng là người chỉ biết nói nhưng không làm. Bản thân ông H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng những lý do bà P đưa ra để ly hôn ông không đồng ý, lý do ông không muốn ly hôn với bà P là vì việc ly hôn sẽ ảnh hưởng lớn đến gia tộc dòng họ nhà ông, dòng họ Trần nhà ông chưa bao giờ xảy ra chuyện ly hôn nên việc bà P làm như vậy ông sẽ rất xấu hổ với dòng họ. Ngoài ra việc bà P đòi ly hôn còn ảnh hưởng đến công việc của chị gái ông, ảnh hưởng tới tài sản chung vợ chồng cũng như ảnh hưởng đến tương lai của các con ông.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho các đương sự hoà giải hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên, bà P không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo kết quả trả lời của phiếu yêu cầu xác minh số 172/2021/PYCXM, ngày 07/5/2021 của Công an phường Tân Thuận Đông Quận 7 có nội dung: “các đương sự đều đang sinh sống tại Số 42 đường Trần Xuân Soạn, Khu phố 4, phường Tân Thuận Đông, Quận 7. Trong quá trình

chung sống tại địa phương đương sự P và H có xảy ra cãi vã và có trình báo Công an phường giải quyết”. Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của Hội liên H phụ nữ phường Tân Thuận Đông, Quận 7 có nội dung: “Qua xác minh ông H và bà P có lần gây mất trật tự (cảnh sát khu vực đến làm việc)”.

Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy trong suốt thời gian Tòa án tạo điều kiện cho ông H, bà P hàn gắn tình cảm vợ chồng thì không những ông H không có các biện pháp hay hành động cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà cả hai còn cãi vã nhiều hơn nữa. Điều này thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân bền vững. Ông H luôn thể hiện việc không đồng ý ly hôn nhưng lý do ông H không muốn ly hôn chỉ vì sợ mất mặt với dòng họ gia tộc, sợ làm ảnh hưởng đến công việc của chị gái ông và sợ ảnh hưởng đến khối tài sản chung chứ không bởi vì ông còn thương yêu bà P. Bà P ngay từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến ngày xét xử cũng hoàn toàn không thay đổi yêu cầu ly hôn của mình, bà luôn khẳng định rằng mình không thể tiếp tục chung sống với ông H và quan trọng là bà không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng ông H.

Việc xây dựng hàn gắn tình cảm gia đình phải xuất phát từ hai phía, do quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H không còn yêu thương, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc P và ông Trần Phú H có 02 người con chung, họ tên là Trần Võ Đức Ph, sinh ngày 15/7/2005 và Trần Võ Phú T, sinh ngày 14/5/2010.

Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 người con 5000.000đồng/tháng.

Theo Biên bản hỏi ý kiến con từ đủ 07 tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình ngày 18/5/2021, cả 02 người con là Trần Võ Đức P và Trần Võ Phú T đều có nguyện vọng muốn sống với bà P.

Ông H xác định trường hợp phải ly hôn ông cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông sẽ hỗ trợ cấp dưỡng nuôi 02 người con 5000.000đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng.

Xét, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu việc cấp dưỡng cho các con của bà P là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của các con và ông H cũng không có tranh chấp về con chung, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà P nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là căn nhà số 42 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù đã

được Tòa án ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông H không nộp đơn yêu cầu và không cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông Trần Phú H đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ chung của ông và bà P tại Ngân hàng để không làm ảnh hưởng đến sổ hộ khẩu của gia đình chị gái ông sau này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông H không có ý kiến về khoản nợ. Mặc dù tại phiên tòa ông nêu yêu cầu giải quyết khoản nợ của ông và bà P nhưng ông không trình bày được cụ thể là khoản nợ như thế nào, tại Ngân hàng nào và cũng không có các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc P và ông Trần Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Ngọc P và ông Trần Phú H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 93, Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bà Võ Thị Ngọc P và ông Trần Phú H (Giấy chứng nhận kết hôn số 115, Quyền số 01/2004 đăng ký ngày 02/8/2004 do UBND Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Trần Võ Đức P, sinh ngày 15/7/2005 và Trần Võ Phú T, sinh ngày 14/5/2010 cho bà Võ Thị Ngọc P (là mẹ) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trần Phú H (là cha) cấp dưỡng cho 02 người con chung số tiền 5000.000đồng/tháng (2.500.000đồng/tháng/01 người

con), cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu thi hành việc cấp dưỡng từ ngày 30/12/2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Võ Thị Ngọc P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Phú H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự tự giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0042456 ngày 28/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Trần Phú H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

6. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Ngọc P và ông Trần Phú H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang